

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 30 tháng 06 năm 2021



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 27

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 201 - 203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 04 năm 2021
Ông Đoàn Hồng Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 04 năm 2021
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 04 năm 2021
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 04 năm 2021
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 04 năm 2021

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 04 năm 2021
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 04 năm 2021

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

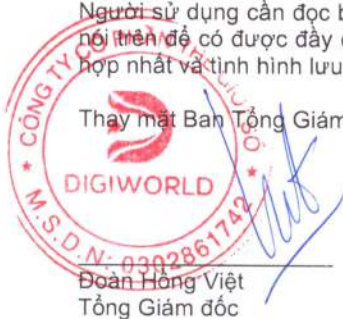
CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các Công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập nội trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ngày 20 tháng 07 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, TPHCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 30 tháng 06 năm 2021

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,159,940,403,240	2,842,171,230,495
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		992,890,730,416	858,936,894,497
1. Tiền	111	4	288,031,531,789	175,527,262,714
2. Các khoản tương đương tiền	112		704,859,198,627	683,409,631,783
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,253,736,407,593	1,188,592,123,483
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.1	1,230,028,488,776	1,139,469,753,263
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.2	21,301,693,461	55,284,878,780
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		8,400,000,000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	38,318,294,976	38,149,561,060
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(44,312,069,620)	(44,312,069,620)
III. Hàng tồn kho	140	7	898,149,732,016	773,034,245,134
1. Hàng tồn kho	141		914,202,448,068	789,086,961,186
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16,052,716,052)	(16,052,716,052)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		15,163,533,215	21,607,967,381
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	7,711,987,775	6,278,739,044
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7,451,545,440	15,329,228,337

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, TPHCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		276,409,603,865	233,750,697,847
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11,874,856,500	8,619,120,500
2. Phải thu dài hạn khác	216	6	11,874,856,500	8,619,120,500
II. Tài sản cố định	220		82,933,609,081	85,652,777,465
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	23,789,913,757	26,202,583,956
<i>Nguyên giá</i>	222		51,986,126,033	51,986,126,033
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(28,196,212,276)	(25,783,542,077)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	59,143,695,324	59,450,193,509
<i>Nguyên giá</i>	228		62,867,121,238	62,867,121,238
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3,723,425,914)	(3,416,927,729)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	144,389,789,605	102,945,750,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		141,444,039,605	100,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2,945,750,000	2,945,750,000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		37,211,348,679	36,533,049,882
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	3,298,751,471	2,620,452,674
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		33,912,597,208	33,912,597,208
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,436,350,007,105	3,075,921,928,342

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, TPHCM

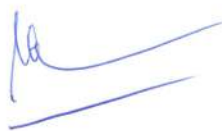
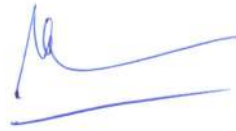
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,019,433,888,948	1,902,632,979,728
I. Nợ ngắn hạn	310		2,014,725,259,521	1,898,024,350,301
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12.1	848,494,277,694	937,474,308,984
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12.2	80,581,489,147	66,570,706,697
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	30,373,755,833	30,272,950,132
4. Phải trả người lao động	314		15,963,819,849	16,574,478,331
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	421,395,514,935	203,048,247,440
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	5,898,309,060	14,482,584,509
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	612,018,093,003	629,601,074,208
II. Nợ dài hạn	330		4,708,629,427	4,608,629,427
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	4,708,629,427	4,608,629,427
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,416,916,118,157	1,173,288,948,614
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1,416,916,118,157	1,173,288,948,614
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		443,517,470,000	431,517,470,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		443,517,470,000	431,517,470,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61,233,761,416	61,233,761,416
3. Cổ phiếu quỹ	415		(6,272,937,166)	(6,272,937,166)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		918,037,823,907	686,410,654,364
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		686,410,654,364	262,274,401,035
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		231,627,169,543	424,136,253,329
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,436,350,007,105	3,075,921,928,342

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2021


Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu

Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởngĐoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TP.HCM
 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18.1	5,085,728,503,341	2,344,523,788,348	4,394,175,879,279	2,579,802,690,570	9,479,904,382,620	4,924,326,478,918
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18.1	(106,651,567,821)	(45,955,268,473)	(187,925,554,013)	(1,519,628,719)	(294,577,121,834)	(47,474,897,192)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18.1	4,979,076,935,520	2,298,568,519,875	4,206,250,325,266	2,578,283,061,851	9,185,327,260,786	4,876,851,581,726
4. Giá vốn hàng bán	11	19	(4,665,274,757,820)	(2,159,400,973,043)	(3,906,645,997,923)	(2,415,506,197,855)	(8,571,920,755,743)	(4,574,907,170,898)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		313,802,177,700	139,167,546,832	299,604,327,343	162,776,863,996	613,406,505,043	301,944,410,828
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18.2	24,849,820,789	14,371,459,924	38,709,427,607	28,642,739,184	63,559,248,396	43,014,199,108
7. Chi phí tài chính	22	20	(5,480,498,351)	(12,525,424,927)	(6,495,426,511)	(9,380,234,528)	(11,975,924,862)	(21,905,659,455)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		(5,532,572,260)	(10,387,308,419)	(5,914,316,293)	(7,717,896,814)	(11,446,888,553)	(18,105,205,233)
8. Chi phí bán hàng	24	21	(174,811,440,359)	(60,380,507,867)	(157,117,972,672)	(108,555,835,100)	(331,929,413,031)	(168,936,342,967)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	(18,855,676,146)	(26,037,948,397)	(23,676,402,639)	(8,103,095,123)	(42,532,078,785)	(34,141,043,520)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		139,504,383,633	54,595,125,565	151,023,953,128	65,380,438,429	290,528,336,761	119,975,563,994
11. Thu nhập khác	31	22	130,744,389	161,682,920	192,184,011	290,822,076	322,928,400	452,504,996
12. Chi phí khác	32	22	(477,267,045)	(295,475,791)	(475,639,525)	(395,250,101)	(952,906,570)	(690,725,892)
13. Lợi nhuận khác	40	22	(346,522,656)	(133,792,871)	(283,455,514)	(104,428,025)	(629,978,170)	(238,220,896)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		139,157,860,977	54,461,332,694	150,740,497,614	65,276,010,404	289,898,358,591	119,737,343,098
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	(28,117,816,132)	(8,976,581,875)	(30,153,372,916)	(15,219,528,598)	(58,271,189,048)	(24,196,110,473)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		111,040,044,845	45,484,750,819	120,587,124,698	50,056,481,806	231,627,169,543	95,541,232,625



Vũ Thị Mai Hân
 Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B03a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020</i>
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		289,898,358,591	119,737,343,098
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2,719,168,384	2,484,164,546
- Các khoản dự phòng	03		-	(7,252,735,329)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13,632,201,682)	(1,161,431,967)
- Chi phí lãi vay	06		11,446,888,553	18,105,205,233
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		290,432,213,846	131,912,545,581
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(60,522,337,213)	(112,232,383,349)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(125,115,486,882)	431,052,295,007
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay)	11		137,519,240,898	(184,034,858,893)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2,111,547,528)	(103,366,064)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10,954,472,730)	(18,731,365,907)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(53,498,955,344)	(30,822,841,392)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		175,748,655,047	217,040,024,983
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(4,136,025,358)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8,400,000,000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	350,000,000
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(41,444,039,605)	(7,415,050,000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13,632,201,682	1,161,431,967
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(36,211,837,923)	(10,039,643,391)

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B03a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

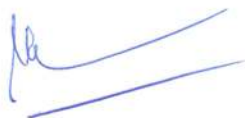
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán 06	Cho kỳ kế toán sáu
		tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021	tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	12,000,000,000	12,000,000,000
3. Tiền thu từ đi vay	33	2,050,352,735,156	1,978,912,327,971
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2,067,935,716,361)	(2,065,445,718,462)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5,582,981,205)	(74,533,390,491)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	133,953,835,919	132,466,991,101
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	858,936,894,497	127,425,042,786
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	992,890,730,416	259,892,033,887

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2021



Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 201 - 203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 387 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 378).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm kế toán	3 - 6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt Hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền mặt	174,351,036	120,472,436
Tiền gửi ngân hàng & các khoản tương đương tiền	992,713,189,376	858,803,239,135
Tiền đang chuyển	3,190,004	13,182,926
TỔNG CỘNG	992,890,730,416	858,936,894,497

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**5.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu các bên khác	1,144,428,731,165	1,067,650,619,216
- Công Ty Cổ Phần Thế Giới Di Động & chi nhánh	304,658,879,561	401,891,123,965
- Khác	839,769,851,604	665,759,495,251
Phải thu bên liên quan (thuyết minh số 25)	85,599,757,611	71,819,134,047
TỔNG CỘNG	1,230,028,488,776	1,139,469,753,263
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10,294,113,387)	(10,294,113,387)
GIÁ TRỊ THUẬN	1,219,734,375,389	1,129,175,639,876

5.2 Trả trước cho người bán

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Trả trước cho bên khác		
- Công ty TNHH Công nghệ Huawei (Việt Nam)	1,000,133,572	20,053,834,614
- HP PPS Singapore (Sales) Pte Ltd	5,862,604,981	2,733,205,458
- Khác	14,438,954,908	947,799,103
Trả trước bên liên quan (thuyết minh số 25)	-	31,550,039,605
TỔNG CỘNG	21,301,693,461	55,284,878,780
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(158,040,552)	(158,040,552)
GIÁ TRỊ THUẬN	21,143,652,909	55,126,838,228

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	3,793,270,151	1,971,189,768
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	32,874,099,492	32,874,099,492
Khác	1,650,925,333	3,304,271,800
TỔNG CỘNG	38,318,294,976	38,149,561,060
Dự phòng phải thu khác	(33,859,915,681)	(33,859,915,681)
GIÁ TRỊ THUẬN	4,458,379,295	4,289,645,379
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	11,874,856,500	8,619,120,500

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Hàng hóa	899,607,394,291	468,803,227,258
Hàng gửi đi bán	7,670,740,510	7,495,657,337
Hàng mua đang đi đường	5,711,529,717	312,753,076,591
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,212,783,550	35,000,000
TỔNG CỘNG	914,202,448,068	789,086,961,186
Dự phòng HTK	(16,052,716,052)	(16,052,716,052)
GIÁ TRỊ THUẬN	898,149,732,016	773,034,245,134

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGÂN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn		
Chi phí hoạt động	7,455,398,331	6,202,808,618
Công cụ, dụng cụ	256,589,444	75,930,426
TỔNG CỘNG	7,711,987,775	6,278,739,044
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	291,837,666	247,643,276
Khác	3,006,913,805	2,372,809,398
TỔNG CỘNG	3,298,751,471	2,620,452,674

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	21,183,180,735	4,998,542,867	22,851,989,798	2,952,412,633	51,986,126,033
Số cuối kỳ	21,183,180,735	4,998,542,867	22,851,989,798	2,952,412,633	51,986,126,033
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	- 9,656,081,791	- 3,483,470,870	- 9,819,194,249	- 2,824,795,167	- 25,783,542,077
Khấu hao trong năm	- 426,802,547	- 316,007,301	- 1,638,505,650	- 31,354,701	- 2,412,670,199
Thanh lý			-		-
Số cuối kỳ	- 10,082,884,338	- 3,799,478,171	- 11,457,699,899	- 2,856,149,868	- 28,196,212,276
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	11,527,098,944	1,515,071,997	13,032,795,549	127,617,466	26,202,583,956
Số cuối kỳ	11,100,296,397	1,199,064,696	11,394,289,899	96,262,765	23,789,913,757

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	5,484,945,058	57,382,176,180	62,867,121,238
Số cuối kỳ	5,484,945,058	57,382,176,180	62,867,121,238
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	- 3,416,927,729	-	- 3,416,927,729
Khấu hao trong năm	- 306,498,185	-	- 306,498,185
Số cuối kỳ	- 3,723,425,914	-	- 3,723,425,914
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	2,068,017,329	57,382,176,180	59,450,193,509
Số cuối kỳ	1,761,519,144	57,382,176,180	59,143,695,324

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Tỷ lệ	Giá trị đầu tư đã thực hiện VND	Tỷ lệ %	Giá trị đầu tư VND
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Một Thành viên Digiworld Venture	100	141,444,039,605	100	100,000,000,000
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	49.1	2,945,750,000	49.1	2,945,750,000
TỔNG CỘNG		144,389,789,605		102,945,750,000

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Asus Global Pte. Ltd	116,937,750,741	138,154,229,907
Acer Incorporated	29,784,289,287	58,190,843,732
Dell Global B.V (Singapore Branch)	7,013,505,265	71,344,024,155
Xiaomi H.K Limited	291,435,011,125	452,091,351,184
Nhà cung cấp khác	403,323,721,276	217,693,860,006
TỔNG CỘNG	848,494,277,694	937,474,308,984
Trong đó:		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	-	31,550,039,605

12.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
ELFDIGI TECHNOLOGY LIMITED	-	36,841,693,390
XIAOMI H.K Limited	65,693,751,535	23,870,462,135
Khác	14,887,737,612	5,858,551,172
TỔNG CỘNG	80,581,489,147	66,570,706,697

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chiết khấu thương mại và hỗ trợ bán hàng	416,474,745,176	194,611,509,585
Chi phí lãi vay	1,214,597,713	722,181,890
Chi phí hoạt động	3,706,172,046	7,714,555,965
TỔNG CỘNG	421,395,514,935	203,048,247,440

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30,153,372,916	25,381,139,212
Thuế thu nhập cá nhân	220,382,917	135,891,929
Thuê GTGT phải nộp	-	4,755,918,991
TỔNG CỘNG	30,373,755,833	30,272,950,132



CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Ngắn hạn		
Phải trả Bảo hiểm Xã hội, công đoàn	1,532,929,468	1,399,608,759
Phải trả khác	4,365,379,592	13,082,975,750
Cộng	5,898,309,060	14,482,584,509
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	4,708,629,427	4,608,629,427
Cộng	4,708,629,427	4,608,629,427
TỔNG CỘNG	10,606,938,487	19,091,213,936

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

16. VAY NGẮN HẠN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Giảm trong năm</i>	<i>VND</i> <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Ngắn hạn				
Vay ngân hàng	629,601,074,208	2,050,352,735,156	(2,067,935,716,361)	612,018,093,003
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:				
<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày đến hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức bảo đảm</i>
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	73,850,338,892	Ngày 02/08/2021 đến 13/09/2021	Từ 3.5% đến 3.6%	Một phần hàng tồn kho trị giá 6 triệu USD
Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	156,364,772,819	Ngày 07/05/2021 đến 14/07/2021	4.25%	Một phần hàng tồn kho trị giá 100 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 120 tỷ VND
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	64,233,399,112	Ngày 04/06/2021 đến 29/06/2021	4.00%	Một phần hàng tồn kho trị giá 147 tỷ và các khoản phải thu trị giá 74 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP.HCM	130,498,112,180	Ngày 26/07/2021 đến 28/07/2021	5.00%	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP.HCM	187,071,470,000	Ngày 19/05/2021 đến ngày 19/07/2021	4.00%	Một phần hàng tồn kho trị giá 120 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 72 tỷ VND
TỔNG CỘNG	612,018,093,003			

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

B09a-DN

17. VON CHỦ SỞ HỮU**17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

						VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	419,517,470,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	467,136,531,329	942,014,825,579
Phát hành cổ phiếu ESOP	12,000,000,000	-	-	-	-	12,000,000,000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	95,541,232,625	95,541,232,625
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2020	<u>431,517,470,000</u>	<u>61,233,761,416</u>	<u>(6,272,937,166)</u>	<u>400,000,000</u>	<u>562,677,763,954</u>	<u>1,049,556,058,204</u>
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	431,517,470,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	686,410,654,364	1,173,288,948,614
Phát hành cổ phiếu ESOP (*)	12,000,000,000	-	-	-	-	12,000,000,000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	231,627,169,543	231,627,169,543
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2021	<u>443,517,470,000</u>	<u>61,233,761,416</u>	<u>(6,272,937,166)</u>	<u>400,000,000</u>	<u>918,037,823,907</u>	<u>1,416,916,118,157</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

17. VON CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**17.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	44,351,747	43,151,747
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	44,351,747	43,151,747
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>44,351,747</i>	<i>43,151,747</i>
Cổ phiếu quỹ	(151,469)	(151,469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>(151,469)</i>	<i>(151,469)</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	44,200,278	43,000,278
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>44,200,278</i>	<i>43,000,278</i>

18. DOANH THU**18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020</i>
Tổng doanh thu:	9,479,904,382,620	4,924,326,478,918
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9,479,904,382,620	4,924,326,478,918
Các khoản giảm trừ doanh thu	(294,577,121,834)	(47,474,897,192)
khấu		
thương mại	(294,577,121,834)	(47,474,897,192)
DOANH THU THUẦN	9,185,327,260,786	4,876,851,581,726

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	97,347,987	47,305,692
Lãi chênh lệch tỷ giá	21,650,746,945	21,205,815,226
Chiết khấu thanh toán được hưởng	29,239,170,263	20,471,733,919
Khác	12,571,983,201	1,289,344,271
Cộng	63,559,248,396	43,014,199,108

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

19. GIA VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020</i>
Giá vốn hàng bán & cung cấp dịch vụ	8,571,920,755,743	4,574,907,170,898
	8,571,920,755,743	4,574,907,170,898

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020</i>
Chi phí lãi vay	11,446,888,553	18,105,205,233
Lỗ chênh lệch tỷ giá	147,614,243	3,736,714,253
Khác	381,422,066	63,739,969
Cộng	11,975,924,862	21,905,659,455

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	25,460,327,333	21,633,573,245
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19,032,107,262	16,564,440,031
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	274,424,150,965	113,125,909,585
Khác	13,012,827,471	17,612,420,106
	331,929,413,031	168,936,342,967
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	23,968,018,529	18,866,960,897
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,138,529,960	6,985,720,165
Chi phí bằng tiền khác	10,425,530,296	8,288,362,458
	42,532,078,785	34,141,043,520
TỔNG CỘNG	374,461,491,816	203,077,386,487

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020</i>
Thu nhập khác	322,928,400	452,504,996
Thu nhập khác	322,928,400	452,504,996
Chi phí khác	(952,906,570)	(690,725,892)
Các khoản chi phí khác	(952,906,570)	(690,725,892)
THU NHẬP THUẬN	(629,978,170)	(238,220,896)

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020</i>
Chi phí mua hàng và dịch vụ	8,571,920,755,743	4,574,907,170,898
Chi phí nhân công	49,428,345,862	40,500,534,142
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,719,168,384	1,158,669,173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27,170,637,222	23,550,160,196
Chi phí bằng tiền khác	295,143,340,348	137,868,022,976
	8,946,382,247,559	4,777,984,557,385

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế,

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế,

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Lợi nhuận kê toán trước thuế	289,898,358,591	119,737,343,098
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	57,979,671,718	23,947,468,620
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
<i>Chi phí không được khấu trừ thuế</i>	291,517,330	248,641,853
<i>Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa năm trước</i>	-	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	58,271,189,048	24,196,110,473
Thuế TNDN hiện hành		

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Công ty TNHH Một Thành Viên Digiworld Venture	Công ty con	Góp vốn	41,444,039,605	7,415,050,000
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology và chi nhánh	Công ty con	Mua dịch vụ, hàng hóa Bán hàng hóa, dịch vụ	29,392,037,486 54,105,623,187	120,204,617
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển thị trường C.L và Chi nhánh	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ Mua dịch vụ, hàng hóa	5,893,461,388 610,096,603	6,591,988,284

Các khoản phải thu, phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của Khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển thị trường C.L	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	29,144,838,758	31,935,817,990
Công ty TNHH Một Thành Viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	56,454,918,853	39,883,316,057
			85,599,757,611	71,819,134,047
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Một Thành Viên Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp	Ứng trước cung ứng hàng hóa	-	31,550,039,605

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:

	<i>VND</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Lương và thưởng	1,257,156,156	1,385,792,990

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

26. CÁC CAM KẾT**26.1 Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dưới 1 năm	16,977,063,242	15,793,727,999
Từ 1 đến 5 năm	36,581,557,508	30,693,710,453
Trên 5 năm	17,277,552,913	14,086,800,000
TỔNG CỘNG	70,836,173,663	60,574,238,452

26.2 Cam kết góp vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản cam kết góp vốn như sau:

Công ty nhận đầu tư	Vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư VND	Cam kết góp vốn của Công ty		Vốn thực góp Số tiền VND	Phần vốn cam kết còn phải góp Số tiền VND	
		Số tiền VND	%		Số tiền VND	Số tiền VND
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	150,000,000,000	150,000,000,000	100	141,444,039,605	8,555,960,395	

27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng

